

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:103/2020/DS-ST

Ngày 30-11-2020

V/v “Đòi bồi thường thiệt
hại do tài sản bị xâm phạm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T-TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Vĩnh L

2.Bà Trần Thị N

-Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Anh K - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T: bà Nguyễn Thị Kim Ng - Kiểm sát viên.

Các ngày 24 và ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp “Đòi bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1968 và bà Đỗ Thành Th, sinh năm 1968 (có mặt)

Cùng cư trú: ấp Đông Nam, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An.

2.*Bị đơn:* bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Trung, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An.

3. Người làm chứng:

1. Ông Huỳnh Lưu H, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đông Nam, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An.

2. Ông Tăng Hoàng Nh, sinh năm 1974 (vắng mặt)

3. Bà Huỳnh Thị Thu B, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Đông Bắc, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An.

4. Ông Đoàn Chí S, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đông Bắc, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của ông Nguyễn Văn Kh và bà Đỗ Thành Th trình bày: Năm 1990 bà Nguyễn Thị T mẹ Rột của ông có cho ông, bà phần đất thửa 158, 159 ấp Đông Nam, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An chưa làm thủ tục chuyển quyền, nhưng sau đó bà T tặng cho bà Nguyễn Thị R đất thửa 158, 159 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp Đông Nam, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An. Đến năm 2012 bà R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất, sau khi được cấp giấy bà R khởi kiện tranh chấp thửa đất 159 tờ bản đồ số 13. Năm 2016 vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết buộc ông Kh, bà Th giao trả thửa 159 tờ bản đồ số 13 cho bà R và bà R có nghĩa vụ hoàn trả giá trị nhà, cây trồng và tài sản, công trình kiến trúc khác trên thửa 159 cho ông và đã thi hành xong. Còn giá trị cây trồng, tài sản, công trình khác trên thửa 158 tờ bản đồ số 13 ông, bà có tiến hành đầu tư như sau:

- Năm 1991 san lấp trên thửa 158 xung quanh thửa 159: Phía Đông (phía trước căn nhà thửa 159 của bà R) ngang 12 mét dài 17m, cao 2m, khối lượng $408m^3$. Phía Tây (phía sau căn nhà thửa 159 của bà R) ngang 06 m dài 18 m, cao 2 m, khối lượng $216m^3$. Phía Nam (cặp hướng phải căn nhà thửa 159 của bà R) ngang 3m, dài 10m, cao 2m, khối lượng $60m^3$. Phía Bắc (cặp hướng trái căn nhà thửa 159 của bà R) ngang 5m dài 10m, cao 2m, khối lượng $100m^3$. Tổng khối lượng san lấp đắp $784m^3 \times 130.000\text{đồng}/m^3 = 101.920.000\text{đồng}$.

- Năm 2015 đổ thêm đất lên phần nền phía Tây (phía sau căn nhà thửa 159) 5 xe đất, mỗi xe $10m^3$, khối lượng $50m^3 \times 120.000\text{đồng}/1m^3 = 6.000.000\text{đồng}$.

- Năm 2017 đổ 02 cái sân diện tích ngang 5 m dài 17 m, cao khoảng 0,8m: $9m^3 \text{đá} \times 460.000\text{đồng} = 4.140.000\text{đồng}$; $7m^3 \text{cát} \times 170.000\text{đồng} = 1.190.000\text{đồng}$; 30 bao xi măng $\times 93.000\text{đồng} = 2.790.000\text{đồng}$, tổng cộng 8.120.000đồng.

- Năm 2010 có đào 01 cái địa (ao) chiều ngang 6m, chiều dài 9m số tiền

1.800.000đồng (04 giờ x 450.000đồng /1giờ).

-Cây trồng trên đất gồm: 05 cây mít x 500.000đ/ cây = 2.500.000đồng; 100 cây chuối (đang thu hoạch) x 30.000đồng/cây = 3.000.000đồng, tổng cộng 5.500.000đồng

Tổng giá trị tài sản, công trình, cây trồng trên thửa 158 ông Kh, bà Th yêu cầu bà R phải bồi thường, tổng cộng là 123.340.000đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị R trình bày: Bà được bà Nguyễn Thị T tặng cho đất thửa 158, 159 tờ bản đồ số 13 tại ấp Đông Nam, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An. Đến năm 2012 bà được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Tân T cấp giấy CNQSD đất thửa 158, 159 tờ bản đồ 13, đất tọa lạc tại ấp Đông Nam, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An, hai thửa đất này trước đây ông Kh chiếm đất của bà nên bà khởi kiện ông Kh thửa 159 tờ bản đồ số 13, vụ việc này được Tòa án giải quyết, buộc ông Kh giao thửa đất 159 cho bà và bà hoàn trả giá trị nhà, cây trồng, tài sản và công trình khác trên thửa đất 159 cho ông Kh. Còn thửa đất 158 bà không tranh chấp, không khởi kiện nhưng sau đó ông Kh giao trả đất cho bà cùng thời điểm thi hành án đối với thửa 159 khi bản án có hiệu lực. Sau đó bà đã chuyển nhượng toàn bộ thửa 158, 159 cùng tài sản, công trình trên đất cho người khác.

Còn giá trị nhà, cây trồng, tài sản và công trình khác trên thửa 159 bà đã thực hiện xong nghĩa vụ cho ông Kh. Nay ông Kh, bà Th khởi kiện yêu cầu bà bồi thường tiền san lấp đắp đất, tiền đổ xi măng sân nền, tiền đào địa (ao), và cây trồng trên thửa 158 xung quanh thửa 159 tờ bản đồ số 13 tại ấp Đông Nam, xã Tân H, huyện Tân T thì bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu của ông Kh và bà Th.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật theo điểm a khoản 1 Điều 35, 36 BLTTDS năm 2015, tuy nhiên thời gian thông báo thụ lý ngày 03/5/2019 nhưng đến ngày 29/10/2020 mới ra quyết định xét xử chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Tư cách đương sự: Việc xác định tư cách đương sự trong vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 168 BLTTDS năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo quy định của BLTTDS về việc xét xử vụ án sơ thẩm.

Đối với nguyên đơn, bị đơn đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của mình quy định Điều 70, 71, 72 BLTTDS năm 2015.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét

xử xem xét tại phiên tòa nhận thấy:

Phía nguyên đơn cho rằng năm 1991 đến nay có công tôn tạo nền, ngoài ra có trồng cây và làm sân xi măng nên khi giao đất lại cho bà R thì bà R có nghĩa vụ đền bù. Còn bị đơn cho rằng trên thửa 158 chỉ toàn đất hoang không có tôn tạo và cây trồng gì, 02 sân xi măng là do phía nguyên đơn tự xây khi bản án đã có hiệu lực pháp luật nên không đồng ý.

Theo biên bản thẩm định ngày 16/7/2019 thể hiện thửa 158 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp Đông Nam, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An có sự tôn tạo san lấp. Tại phiên tòa ông Kh thừa nhận năm 2010 có đào địa (ao) và dùng khối lượng đất đã đào để tôn tạo thửa đất trên, căn cứ biên bản thẩm định thì khối lượng đào từ ao lấp vào nền là 99m³ nên có căn cứ chấp nhận một phần tiền san lấp và tiền công đào địa (ao).

Ngoài ra ông Kh, bà Th trình bày vào năm 2015 có tiến hành đổ 5 xe đất, mỗi xe 10m³ trên thửa 158 xung quanh thửa 159 tờ bản đồ số 13, mục đích mở rộng diện tích nền mà ông bà sử dụng. Về công trình trên đất gồm 2 sân xi măng được xây dựng năm 2017. Về cây trồng gồm 5 cây mít và 100 cây chuối như biên bản thẩm định.

Xét thấy năm 2013 ông Kh, bà Th đã biết phần diện tích đất trên thuộc quyền quản lý sử dụng của bà R nhưng ông bà vẫn tiến hành đổ 5 xe đất. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông, bà không cung cấp chứng cứ việc đổ 5 xe đất trên thửa 158 xung quanh thửa 159 tờ bản đồ 13. Bên cạnh đó việc đổ 02 sân xi măng vào năm 2017, khi bản án số 38/2016/DS-PT ngày 29/01/2016 đã có hiệu lực pháp luật, mục đích việc làm sân là tổ chức đám tiệc cho gia đình ông bà mà không được sự đồng ý của bà R, từ đó cho thấy phía ông Kh, bà Th có lỗi cố ý trong việc san lấp, làm sân và trồng cây là xâm phạm đến quyền sử hữu, sử dụng của bà R và dẫn đến sự thiệt hại cho bản thân. Căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1 Tranh chấp “Đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm hại” giữa ông Nguyễn Văn Kh, bà Đỗ Thành Th với bà Nguyễn Thị R là tranh chấp dân sự. Căn cứ Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

2.1. Về nguồn gốc đất là của bà Nguyễn Thị T mẹ Rột của ông Kh và bà R. Năm 2012 bà T tặng cho đất bà R và bà được UBND huyện Tân T cấp giấy CNQSD đất gồm thửa đất số 158, 159 tờ bản đồ số 13 đất tọa lạc tại ấp Đông Nam, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An. Nhưng trước thời gian vào đó năm 2010 vợ chồng ông Kh, bà Th có xây 01 căn nhà tường cấp 4 trên thửa đất 159 tờ bản đồ số 13, thì đến bà R khởi kiện yêu cầu ông Kh, bà Th trả lại thửa đất số 159. Tại bản án số 38/2016/DS-PT ngày 29/01/2016 của TAND tỉnh Long An xét xử buộc ông Kh, bà Th giao trả lại thửa đất số 159 tờ bản đồ số 13 cho bà R, ngược lại bà R có nghĩa vụ trả giá trị 01 căn nhà cấp 4, tài sản và công trình khác thuộc thửa 159 tờ bản đồ số 13 đất tọa lạc tại ấp Đông Nam, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An, hai bên đã thực hiện xong.

2.2. Còn thửa 158 tờ bản đồ số 13 ông Kh, bà Th trình bày vào năm 1991 khi bà T cho đất thì vợ chồng ông, bà có san lấp đắp đất thửa 158 xung quanh nhà thửa 159 khối lượng đất như sau: phía Đông khối lượng $408m^3$, phía Tây khối lượng $216m^3$, phía Nam khối lượng $60m^3$ và phía Bắc có khối lượng $100m^3$, tổng cộng $784m^3$. Còn phía bà R trong thời gian ông Kh, bà Th san lấp đất bà có ngăn cản không cho vợ chồng ông Kh, nhưng ông Kh vẫn cố tình san lấp. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2019 bà R trình bày phần đất san lấp mặt bằng đã có sẵn từ thời cha mẹ để lại cho bà, nhưng tại phiên tòa bà R khai năm 2012 thửa đất 158 là đất hoang, nên Tòa án thông báo cung cấp chứng cứ số 11/2019/TB-TA ngày 25/9/2019 yêu cầu bà cung cấp họ, tên, năm sinh và nơi cư trú cha mẹ bà R nhưng bà không cung cấp cũng như bà R không chứng minh được lúc vợ chồng ông Kh san lấp đất thửa 158 bà có ra ngăn cản hay không. Ngoài ra đến năm 2012 bà mới được cấp giấy CNQSD đất và đến năm 2013 bà khởi kiện tranh chấp thửa 159 với ông Kh, như vậy qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2019 về khối lượng san lấp đắp đất thửa 158 xung quanh thửa 159 tờ bản đồ số 13 vị trí san lấp có khối lượng đất đắp như sau:

-Phía Đông sân trước nhà bà R kích thước $4m \times 11m \times 0,68m = 29,92m^3 + 12,8m \times 9,85m \times 1,05m = 132,38m^3$

-Phía Tây sân sau nhà bà R kích thước $6m \times 18m \times 0,7m = 75,6m^3$

-Phía Nam bên hông nhà bà R kích thước $3m \times 10m \times 0,85m = 25,5m^3$

-Phía Bắc bên hông nhà bà R kích thước $10m \times 5m \times 0,7m = 35m^3$, tổng cộng là $298,4m^3$, từ đó cho thấy việc ông Kh có san lấp đất thửa 158 xung quanh thửa 159 là có thật theo tờ làm chứng ngày 31/7/2018 của ông Huỳnh Lưu H, ông Tăng Hoàng Nh, ông Đoàn Chí S và bà Huỳnh Thị Thu B biết rõ gia đình ông Kh từ năm 1990 đến nay bỏ tiền ra đổ đất tôn nền nhà vượt lũ với số lượng đất đắp khá nhiều, nếu như đất nền nhà và xung quanh nhà giao lại cho người khác sử dụng thì nên hoàn trả lại cho anh Khèo, được UBND xã Tân H xác nhận ngày 08/10/2019.

Mặc khác tại mảnh trích đo địa chính số 59-2014 ngày 13/01/2015 của Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân T (bản photo) do ông Kh cung cấp chỉ xác định nhà, đất và tài sản trên thửa 159 tờ bản đồ số 13, còn thửa 158 tờ bản đồ số 13 chưa có yêu cầu giải quyết theo nhận định bản án dân sự sơ thẩm số 37/2015/DSST ngày 30/11/2015 của TAND huyện Tân T. Và tại phiên tòa ông Kh, bà Th yêu cầu giá trị thành tiền san lấp đất trên thửa 158 xung quanh (tứ cận) thửa 159 tờ bản đồ số 13 vị trí tọa lạc tại ấp Đông Nam, xã Tân H, huyện Tân T theo Hội đồng định giá ngày 16/7/2019, được Hội đồng định giá đơn giá san lấp nên là 80.000đồng/ $1\text{m}^3 \times 298,4\text{m}^3 = 23.872.000\text{đồng}$, là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Kh, bà Th.

2.3. Ngoài ra ông Kh, bà Th trình bày năm 2010 có đào cái đìa (ao ngang 6m dài 9m với thời gian 04 giờ, mỗi giờ 450.000đồng số tiền 1.800.000đồng, để chứng minh yêu cầu của ông Kh, bà Th thì Tòa án ra thông báo cung cấp chứng cứ số 12/2020/TB-TA ngày 24/4/2020 yêu cầu ông Khèo, bà Th chứng minh người đào thuê đìa cho ông nhưng ông Kh không chứng minh được. Tuy nhiên năm 2010 ông Kh đào đìa (ao) thì trong thời gian này ông Kh chưa biết bà R được cấp giấy CNQSD đất, do đó ông Kh không có lỗi, nên căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2019 khối lượng đào đìa (ao) kích thước 5,5m x 15m x 1,2m = 99m^3 thành tiền là 1.800.000đồng nên được chấp nhận tiền công đào đìa (ao) 1.800.000đồng theo đề nghị của Kiểm sát viên.

2.4. Còn đối với yêu cầu bồi thường tiền san lấp đất, do đào đìa (ao) kích thước 5,5m x 15m x 1,2m (độ sâu) khối lượng 99m^3 theo Hội đồng định giá ngày 16/7/2019 thành tiền 7.920.000đồng của ông Kh, bà Th không được chấp nhận. Bởi vị trí đất này tại thửa 158 và khối lượng đào đất để đắp đất xung thửa 159 đã được Hội đồng xét xử chấp nhận trong khối lượng san đất đắp đất thửa 158 xung quanh thửa 159 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp Đông Nam, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An.

2.5. Về cái bờ ao chiều ngang 2m x 15m x 0,3m = 9m^3 theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2019, Hội đồng định giá $1\text{m}^3 = 80.000\text{đồng} \times 9\text{m}^3 = 720.000\text{đồng}$. Tại phiên tòa ông Kh, bà Th trình bày là đào đìa đắp lên thành cái bờ của thửa 158 tờ bản đồ số 13 nên bà R phải bồi thường số tiền 720.000đồng không phù hợp. Bởi khối lượng này đào đắp lên thành cái bờ trên phần đất thửa 158 được chấp nhận trong khối lượng san lấp trên thửa 158 xung quanh thửa 159 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp Đông Nam, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An.

2.6. Đối với 05 xe đất, mỗi xe đất là 10m^3 , tổng khối lượng $50\text{m}^3 \times 120.000\text{đồng}/1\text{m}^3$ thành tiền 6.000.000đồng, ông Kh, bà Th trình bày năm 2015 ông bà thuê đắp thêm lên phần nền nhà phía Tây (phía sau căn nhà của bà R trên thửa 159) với mục đích là mở rộng diện tích nền nhà để sử dụng. Tại thông báo cung cấp chứng cứ số 12/2020/TB-TA ngày 24/4/2020 của Tòa án yêu cầu ông,

bà chứng minh người được thuê đổ 5 xe đất nhưng ông, bà không chứng minh được, cũng như qua xem xét, thẩm định tại chỗ không xác định được khối lượng đất đổ 05 xe đất. Ngoài ra, năm 2015 ông Kh, bà Th đã biết được diện tích thửa đất này thuộc quyền quản lý và sử dụng của bà R và trong năm 2013 ông Kh, bà Th biết được bà R khởi kiện ra Tòa án nhưng ông, bà vẫn thuê người đổ đất là xâm phạm đến quyền sử dụng của bà R, nên yêu cầu này của ông Kh, bà Th không được chấp nhận theo đề nghị của Kiểm sát viên.

2.7. Về công trình trên đất: Đối với 02 sân đổ xi măng theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2019 (vị trí về hướng Đông và hướng Bắc so với nhà bà R) có kết cấu: Bê tông đá 4 x 6 (không lán vữa), đơn giá 912.600đồng/ m^3 , khối lượng $(5,4 \times 9,2 + 8,4 \times 3,8) \times 0,1 = 8,16m^3$, giá trị còn lại 7.400.000đồng, tại phiên tòa ông Kh và bà Th chấp nhận giá của Hội đồng định giá ngày 16/7/2019. Xét thấy 02 sân xi măng ông Kh, bà Th xây dựng năm 2017 và trong thời gian này ông, bà biết được phần diện tích đất thửa 158 bà R được cấp giấy CNQSD đất nên thuộc quyền quản lý của bà R nhưng ông Kh, bà Th vẫn tiến hành đổ xây 02 sân xi măng. Mặc khác, tại phiên tòa vợ chồng ông Kh trình bày mục đích đổ 02 sân xi măng (sân đan hướng Đông và hướng Bắc) là để tổ chức đám tiệc cho gia đình. Hơn nữa, tại bản án số 38/2016/DS-PT ngày 29/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An có hiệu lực pháp luật, nhưng ông Kh và bà Th vẫn đổ 02 sân xi măng là xâm phạm đến quyền sử dụng của bà R, do đó ông Kh, bà Th hoàn toàn có lỗi, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của ông Kh, bà Th.

2.8. Còn đối với cây trồng qua biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và được Hội đồng định giá, ngày 16/7/2019 gồm: Mít loại B 02 cây x 800.000đồng/1 cây = 1.600.000đồng; mít loại D 02 cây x 360.000đồng/1 cây = 720.000đồng và mít loại E 01 cây x 50.000đồng/1 cây = 50.000đồng, cộng 2.370.000đồng; Còn cây chuối loại B 10 bụi x 150.000đồng = 150.000đồng, tổng cộng giá trị cây mít và chuối là 3.870.000đồng, tại phiên tòa ông Kh, bà Th trình bày số cây mít và chuối trồng khoảng 04 năm đến 05 năm, nay và đồng ý theo giá Hội đồng định giá ngày 16/7/2019. Xét thấy, năm 2013 ông Kh, bà Th biết bà R khởi kiện yêu cầu trả lại đất cũng như ông, bà biết bà R được cấp giấy CNQSD đất thửa 158, 159 tờ bản đồ số 13 là thuộc quyền quản lý và sử dụng của bà R mà ông và bà Th cố tình trồng cây là xâm phạm đến quyền sở hữu của bà R, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Kh, bà Th yêu cầu bà R bồi thường giá 3.870.000đồng theo đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở.

[3]Đối với bà R trong biên bản H giải cũng như tại phiên tòa bà trình bày đối với thửa đất số 158, 159 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp Đông Nam, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An, đến tháng 11/ 2018 bà đã san nhượng lại toàn bộ phần đất này cho ông Lý và ông Lý được cấp giấy CNQSD đất. Xét thấy Tòa án ra thông báo số 11/2019/TB-TA ngày 25/9/2019 và thông báo số 27/2020/TB-TA ngày 04/8/2020 về việc cung cấp họ, tên, năm sinh và địa chỉ của ông Lý,

nhưng đến nay bà R không cung cấp địa chỉ ông Lý. Ngoài ra, theo quy tại Điều 210 BLTTDS năm 2015 Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì bà R không cung cấp được địa chỉ của ông Lý nhưng đến tại phiên tòa bà R mới cung cấp được giấy CNQSD đất của ông Lý. Mặc khác, vụ việc tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản này là nghĩa vụ giữa vợ chồng ông Kh với bà R, từ đó Tòa án không đưa ông Lý vào tham gia tố tụng.

3.1. Ngoài ra bà R có yêu cầu định giá, xem xét, thẩm định lại phần đất tranh chấp giữa ông Kh với bà. Căn cứ Điều 156 BLTTDS năm 2015, ngày 10/9/2020 Tòa án ra thông báo cho bà R nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng để tiến hành xem xét, thẩm định lại nhưng bà R không nộp tiền tạm ứng. Do đó Tòa án không tiến hành xem xét lại theo yêu cầu bà R là có căn cứ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Ngày 16/7/2019 với tổng số tiền 1.500.000 đồng, do chấp nhận 01 phần yêu cầu ông Kh và bà Th, nên ông Kh và bà Th phải chịu 750.000 đồng đã nộp xong. Còn bà R có nghĩa vụ bồi thường một phần, nên phải chịu 750.000 đồng, do ông Kh nộp tạm ứng, nên bà R có nghĩa vụ trả lại ông Kh, bà Th 750.000 đồng.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ bồi thường cho ông Kh, bà Th gồm các khoản tiền: Tiền san lấp đắp đất trên thửa 158 xung quanh thửa 159 là 23.872.000 đồng và tiền công đào đìa (ao) là 1.800.000 đồng, tổng cộng 02 khoản là 25.672.000 đồng

[3] Về án phí: bà R có nghĩa vụ bồi thường tiền nên phải chịu 1.283.600 đồng án phí dân sự có giá ngạch; ông Kh, bà Th do yêu cầu bồi thường bị bác 01 phần yêu cầu nên phải chịu 1.295.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, 35, 39 BLTTDS năm 2015; Điều 584, 585, 589 BLDS năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Kh, bà Đỗ Thành Th yêu cầu bà Nguyễn Thị R bồi thường 25.910.000 đồng.

Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Văn Kh, bà Đỗ Thành Th.

1. Buộc bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn Kh, bà Đỗ Thành Th 25.672.000đồng (*Hai mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) tiền công san lấp đắp đất, đào đài (ao) trên thửa 158 xung quanh thửa 159 tờ bản đồ số 13 và tiền tại lạc tại ấp Đông Nam, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An và 750.000đồng tiền xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị R phải chịu 1.283.600đồng phí dân sự sơ thẩm; ông Nguyễn Văn Kh, bà Đỗ Thành Th phải chịu 1.295.500đồng án phí và được khấu trừ 3.082.800đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0004874 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T, nên được hoàn trả lại 1.787.300đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H